

Số: 413 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên các doanh nghiệp do Bộ GTVT là cơ quan đại diện chủ sở hữu

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Bộ Giao thông vận tải là cơ quan đại diện chủ sở hữu kèm theo Quyết định này. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Tổng công ty, Công ty nêu trên tổ chức và hoạt động theo Quy chế này.

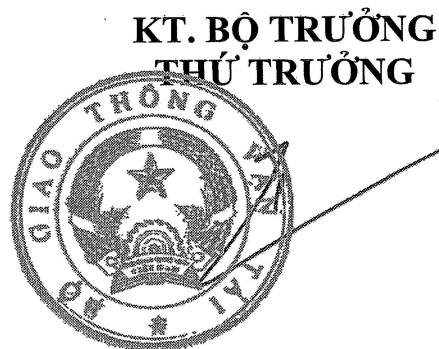
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên các Tổng công ty, Công ty tại các Quyết định số 4148/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2014, số 1699/QĐ-BGTVT ngày 08/5/2014, số

3026/QĐ-BGTVT ngày 21/8/2014, số 110/QĐ-BGTVT ngày 12/01/2015, số 2656/QĐ-BGTVT ngày 14/7/2014, số 1576/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2014 của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Hội đồng Thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Mz*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, QLDN (Cg).



Nguyễn Xuân Sang

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN CÁC DOANH NGHIỆP
DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI LÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 413 /QĐ-BGTVT ngày 06/04/2023
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Tổng công ty, Công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Bộ Giao thông vận tải là cơ quan đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi chung là Ban kiểm soát, Kiểm soát viên); cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; quy hoạch, bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; tiền lương, thù lao, điều kiện làm việc, đánh giá, bồi dưỡng kiến thức đối Kiểm soát viên.

2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Bộ GTVT là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Kiểm soát viên” là cá nhân làm việc trong Ban kiểm soát, do Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Bộ) bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Bộ kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Bộ, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc.

2. “Ban Kiểm soát” là cơ quan trực tiếp tại doanh nghiệp thay mặt chủ sở hữu giám sát hoạt động của doanh nghiệp.

3. “Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên” là Bộ có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động,

luân chuyển, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

3. “Doanh nghiệp” là các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Bộ Giao thông vận tải là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. “Người quản lý doanh nghiệp”: bao gồm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc/Phó giám đốc và Kế toán trưởng doanh nghiệp.

5. “Người quản lý khác” bao gồm: các trưởng phòng, ban, đơn vị thuộc Tổng công ty, Công ty; người quản lý tại các Công ty con của Tổng công ty, người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Công ty tại các doanh nghiệp.

6. “Công ty con” là các công ty TNHH MTV do các Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ sở hữu 100% vốn điều lệ hoặc các Công ty cổ phần do các Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ nắm giữ cổ phần chi phối theo quy định của pháp luật.

7. “Công ty liên kết” là các Công ty cổ phần do các Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ nắm giữ cổ phần dưới mức chi phối theo quy định của pháp luật.

8. “Đơn vị phụ thuộc” là các chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty.

9. Các định nghĩa đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Kiểm soát của các Tổng công ty, Công ty có từ một (01) đến ba (03) Kiểm soát viên. Trường hợp Ban Kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại cùng một doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách theo Quyết định bổ nhiệm của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên tại không quá bốn (04) doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc;

2. Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên khác của doanh nghiệp;

4. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Nguyên tắc độc lập: Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước pháp luật và trước Bộ; đảm bảo tính khách quan, trung thực của các báo cáo, kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên;

Kiểm soát viên được phân công thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực nào thì chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được giao tại lĩnh vực đó, đồng thời cùng với các Kiểm soát viên khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Ban kiểm soát.

b) Tôn trọng pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi, nhiệm vụ được giao;

c) Không được tiết lộ kết quả kiểm soát khi chưa được Bộ cho phép; trong thời hạn tối thiểu là hai (02) năm, kể từ khi thôi chức vụ, Kiểm soát viên không được tiết lộ bí mật liên quan đến công nghệ, bí quyết sản xuất riêng của doanh nghiệp;

2. Chế độ làm việc

a) Ban Kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình Bộ; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát; chủ trì cuộc họp là Trưởng Ban

kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được ủy quyền bằng văn bản của Trưởng Ban kiểm soát; thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm, chương trình, nội dung cuộc họp và được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số Kiểm soát viên tham gia. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản; Biên bản và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo chế độ lưu giữ tài liệu;

b) Trưởng Ban kiểm soát có thể triệu tập cuộc họp bất thường khi có những vụ việc phát sinh bất thường, có đơn thư khiếu nại, hoặc theo yêu cầu của Bộ, đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp, của các Kiểm soát viên;

c) Ý kiến của các Kiểm soát viên phải được bàn tập thể trong cuộc họp Ban kiểm soát. Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm về các ý kiến tham gia, thống nhất những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo Bộ.

d) Trưởng Ban kiểm soát:

- Chịu trách nhiệm trước Bộ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ chung của các Kiểm soát viên tại Tổng công ty;

- Hàng năm, trên cơ sở ý kiến của các Kiểm soát viên, chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban Kiểm soát trình Bộ phê duyệt; tổng hợp dự toán kinh phí hoạt động hàng năm và các điều kiện cần thiết đảm bảo hoạt động của các Kiểm soát viên, lấy ý kiến của Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp trước khi báo cáo Bộ.

- Trên cơ sở kế hoạch công tác năm đã được Bộ phê duyệt, lập lịch công tác kiểm tra, giám sát hàng tháng, hàng quý, hàng năm của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và các công tác khác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên; phân công, điều phối công việc cụ thể của từng Kiểm soát viên; tổng hợp kết quả công tác, báo cáo Bộ theo quy định.

đ) Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

Điều 6. Phương pháp và hình thức kiểm tra, giám sát:

1. Phương pháp:

- Phương pháp gián tiếp: thông qua các tài liệu, báo cáo và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên kiểm tra, đối chiếu với quy định của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp để kiến nghị các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh;

- Phương pháp trực tiếp: Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trực tiếp làm việc với các bộ phận nghiệp vụ và các đơn vị thuộc doanh nghiệp để giám sát tại chỗ việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

2. Hình thức:

- Hình thức định kỳ: căn cứ Chương trình công tác kiểm tra, giám sát được phê duyệt, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thông báo nội dung, địa điểm, thời gian và đối tượng kiểm tra với Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp và với đối tượng kiểm tra trước khi thực hiện;

- Hình thức đột xuất: khi có yêu cầu công việc cần kiểm tra đột xuất hoặc có đơn thư cần phải kiểm tra, xác minh, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quyết định về thời điểm và nội dung kiểm tra, đồng thời báo cáo Bộ.

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Xây dựng Kế hoạch công tác hàng năm gửi Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp cho ý kiến trước khi trình Bộ phê duyệt trước 31/01 hàng năm.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc năm, Ban Kiểm soát phải gửi Bộ báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện nhiệm vụ, khuyến nghị đối với hoạt động doanh nghiệp và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới;

3. Ban Kiểm soát báo cáo Bộ bằng văn bản về kết quả việc kiểm tra, giám sát theo định kỳ, kế hoạch được phê duyệt trong năm tại doanh nghiệp. Chủ động nắm bắt tình hình doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các kiến nghị đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và báo cáo Bộ các vấn đề khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

4. Đối với vụ việc phát sinh đột xuất, sau năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra đến Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp, nêu rõ tính hợp lý, hợp pháp và các sai sót, kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có), đồng thời báo cáo Bộ.

5. Lập và gửi báo cáo thẩm định cho Bộ và Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp đối với các nội dung thuộc nghĩa vụ, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Điều 9 Quy chế này.

Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bao gồm những nội dung sau:

- Đánh giá tính đầy đủ về thành phần, nội dung của báo cáo và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật.

- Đánh giá cơ sở pháp lý, quy trình lập báo cáo; sự phù hợp, tuân thủ của báo cáo đối với các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của doanh nghiệp.

- Phân tích, đánh giá tính hợp lý, độ tin cậy của các thông tin, số liệu nêu trong báo cáo của doanh nghiệp.

- Đánh giá tình hợp lý, hiệu quả của các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Tổng hợp đầy đủ ý kiến của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình thẩm định (nếu có); nêu rõ ý kiến đánh giá, đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên với Bộ về các nội dung báo cáo, kiến nghị của doanh nghiệp và các đề xuất để Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc điều chỉnh nhằm thực hiện đúng Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

- Các nội dung khác (nếu có).

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 8. Quyền của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành doanh nghiệp.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Bộ.

3. Yêu cầu Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Yêu cầu người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

5. Đề nghị Bộ thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Được sử dụng con dấu của doanh nghiệp cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

7. Quyền khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 9. Nghĩa vụ, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp;

3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp;

4. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của doanh nghiệp;

5. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

6. Giám sát hợp đồng, giao dịch của doanh nghiệp với các bên có liên quan;

7. Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp;

8. Xây dựng Kế hoạch công tác, giám sát hàng năm, trình Bộ phê duyệt, ban hành; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Bộ.

9. Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Bộ và quy định tại Điều lệ doanh nghiệp.

10. Chủ động nắm bắt tình hình tại doanh nghiệp, báo cáo Bộ các khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; đề xuất, kiến nghị phương án xử lý.

Điều 10. Trách nhiệm Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp, quyết định của Bộ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và lợi ích hợp pháp của các bên tại doanh nghiệp.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho doanh nghiệp thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho doanh nghiệp mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Bộ, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên đó vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho Bộ, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản trị nội bộ công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

Chương IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN VỚI CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 11. Cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Bộ

1. Đối với Bộ:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên; sửa đổi, bổ sung Quy chế;

b) Phê duyệt Chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra, giám sát năm của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trước ngày 31/03 hàng năm;

c) Giao kế hoạch, nhiệm vụ công tác đối với Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên làm cơ sở để đánh giá, xếp loại Kiểm soát viên; xem xét, quyết định mức xếp loại chất lượng đối với Kiểm soát viên hàng năm.

d) Xem xét đề nghị của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên về việc thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu, thông báo Kiểm soát viên tham gia vào các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát theo các chuyên đề của Bộ.

đ) Thông báo cho Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên quyết định của Bộ liên quan đến các nội dung tại Điều 9 Quy chế này và các quyết định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp;

e) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Bộ trả lời Ban kiểm soát, Kiểm soát viên bằng văn bản về những đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên. Trường hợp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên xin ý kiến đối với các vấn đề phát sinh đột xuất, có tính cấp bách thì Bộ trả lời, chỉ đạo bằng văn bản trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc;

g) Quyết định việc quy hoạch Kiểm soát viên theo quy định.

h) Quyết định việc bố trí công việc phù hợp với Kiểm soát viên khi hết thời hạn thực hiện nhiệm vụ tại doanh nghiệp.

2. Đối với Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

a) Xây dựng, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trình Bộ xem xét, ban hành;

b) Xây dựng Chương trình công tác và đề xuất của Ban kiểm soát gửi Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp tham gia ý kiến, tổng hợp trình Bộ phê duyệt.

c) Đối với những văn bản, báo cáo của doanh nghiệp cần góp ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, báo cáo, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến Bộ;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 12. Cơ chế phối hợp giữa Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp

1. Đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp

a. Hội đồng Thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp có quyền được Bộ thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, chế độ hoạt động, nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản bổ nhiệm Kiểm soát viên của Bộ, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp phải tổ chức, thu xếp nơi làm việc và các trang thiết bị công tác phục vụ cho công việc của Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 điều 8 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP.

b. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc vi phạm Quy chế này, các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ Bộ giao, doanh nghiệp có quyền báo cáo Bộ và thông báo cho Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp, Bộ có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

c. Gửi thông tin đến Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp.

Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm chỉ đạo các cá nhân, đơn vị có liên quan thông tin, báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu, đảm bảo Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện được đầy đủ các quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

d. Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo và mời Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thành viên, của Bộ với Hội đồng thành viên và các cuộc họp có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

đ. Khi Chương trình công tác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên đã được Bộ phê duyệt, Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm thu xếp cơ sở vật chất và tạo mọi điều kiện cần thiết để Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Căn cứ đề xuất, thông báo của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc có trách nhiệm cử nhân sự của các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ trong chương trình công tác, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

e. Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp với Ban Kiểm soát trong quá trình xây dựng Chương trình công tác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên trước khi trình Bộ phê duyệt, tổ chức thực hiện.

g. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác đối với các nội dung tại báo cáo, kiến nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, doanh nghiệp có quyền đề nghị Bộ xem xét, có ý kiến đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

h. Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo cơ sở, vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi phí khác phục vụ hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại doanh nghiệp.

i. Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp thông báo và mời Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của doanh nghiệp như cán bộ, nhân viên và người lao động của doanh nghiệp.

2. Đối với Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

a. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng thành viên, của Bộ với Hội đồng thành viên và các cuộc họp có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

b. Thông báo cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, hàng quý, hàng năm và kế hoạch về kiểm tra, giám sát.

c. Gửi báo cáo kết quả về việc thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát tới Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc và Giám đốc doanh nghiệp và báo cáo Bộ, trừ trường hợp có quy định khác của Bộ.

Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác đối với báo cáo, kiến nghị của Ban kiểm soát, kiểm soát viên thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên báo cáo Bộ về các vấn đề liên quan đến kiến nghị của doanh nghiệp.

Điều 13. Cơ chế phối hợp giữa các Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được phân công, đồng thời cùng với các Kiểm soát viên khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Ban Kiểm soát tại doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm

- Phân công, điều phối hoạt động chung của Ban kiểm soát;
- Tổng hợp ý kiến của các Kiểm soát viên vào các báo cáo, chương trình công tác để gửi Bộ theo quy định.

3. Khi có sự bất đồng ý kiến giữa các Kiểm soát viên, Trưởng Ban Kiểm soát tổng hợp đầy đủ, chính xác các ý kiến tham gia, báo cáo Bộ.

Điều 14. Cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thành viên với Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

a) Định kỳ hàng quý, năm, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên các Công ty con gửi báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát có nhận xét, đề xuất, kiến nghị (nếu có) cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch doanh nghiệp đồng thời gửi cho Ban kiểm soát.

b) Các công ty con định kỳ gửi báo cáo tài chính hàng quý, năm, báo cáo kết quả kiểm toán độc lập; các báo cáo khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát để giám sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình đầu tư, tài chính của đơn vị.

c) Khi có lịch công tác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Chủ tịch, Giám đốc các Công ty con phải có trách nhiệm bố trí thời gian làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chương trình làm việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Đối với Công ty con là Công ty TNHH hai thành viên trở lên và Công ty cổ phần

a) Người đại diện phần vốn của Tổng công ty có trách nhiệm định kỳ gửi Ban Kiểm soát báo cáo tài chính quý, năm; báo cáo kết quả kiểm toán độc lập để Ban Kiểm soát giám sát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình đầu tư, tình hình quản lý tài chính của đơn vị; các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo định kỳ hay bất thường, báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty để kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Điều lệ, tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.

b) Khi có lịch công tác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn tại Công ty con phải có trách nhiệm bố trí thời gian làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chương trình làm việc của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

3. Đối với các đơn vị phụ thuộc:

a) Định kỳ đơn vị có trách nhiệm gửi báo cáo Quyết toán tài chính 6 tháng, năm; báo cáo kết quả kiểm toán độc lập về Ban Kiểm soát.

b) Khi có lịch công tác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, đơn vị phụ thuộc phải có trách nhiệm bố trí thời gian, cán bộ làm việc và cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chương trình làm việc của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên.

4. Đối với các công ty liên kết:

Khi kết thúc niên độ tài chính, Người đại diện phần vốn tại công ty liên kết, có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán độc lập và nghị quyết Đại hội cổ đông định kỳ hay bất thường về Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên để kiểm tra, giám sát.

Chương V **ĐÁNH GIÁ, BỒI DƯỠNG, QUY HOẠCH, TIỀN LƯƠNG** **CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

Điều 15. Đánh giá Kiểm soát viên hàng năm

Việc đánh giá Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Nghị định 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và các nghị định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1. Hàng năm, Bộ xem xét, phê duyệt kế hoạch, nhiệm vụ công tác năm cho Kiểm soát viên trước ngày 31/03 của năm thực hiện.

2. Nội dung đánh giá Kiểm soát viên bao gồm:

a) Kết quả hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp;

b) Kết quả công tác của cá nhân:

- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; tác phong, lề lối làm việc;

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nội quy, quy chế của doanh nghiệp;

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm;

- Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra (nếu có);

- Việc chấp hành, tuân thủ chỉ đạo của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Quy trình, thủ tục đánh giá:

a) Kiểm soát viên viết bản tự nhận xét, đánh giá và tự nhận mức độ xếp loại chất lượng gửi về Bộ;

b) Căn cứ vào tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng theo quy định của Bộ, quy định của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ được giao hàng năm, Bộ xem xét, quyết định mức xếp loại chất lượng đối với Kiểm soát viên.

4. Kết quả phân loại, đánh giá được lưu vào hồ sơ và thông báo đến Kiểm soát viên.

Điều 16. Bồi dưỡng kiến thức Kiểm soát viên

1. Bồi dưỡng kiến thức đối với Kiểm soát viên phải căn cứ:

- a) Vị trí, tiêu chuẩn của chức vụ, chức danh của Kiểm soát viên;
- b) Theo nhu cầu quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp.

2. Kiểm soát viên trong thời gian tham gia bồi dưỡng kiến thức được hưởng nguyên lương; thời gian bồi dưỡng kiến thức được tính vào thời gian công tác liên tục, thời hạn xét nâng bậc lương và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát viên được cử tham gia bồi dưỡng kiến thức bằng nguồn ngân sách nhà nước nếu tự ý bỏ học, thôi việc hoặc đã học xong nhưng chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết mà tự ý bỏ việc thì phải đền bù chi phí bồi dưỡng kiến thức theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy hoạch, bổ nhiệm

Việc quy hoạch, bổ nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của Đảng, Chính phủ (*Nghị định 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và các nghị định sửa đổi, bổ sung (nếu có)*), Điều lệ Tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp và các quy định khác của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 18. Khen thưởng, kỷ luật

Việc xem xét khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng, kỷ luật và quy định của Bộ.

Điều 19. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tối thiểu bằng thành viên Hội đồng thành viên hoặc Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc doanh nghiệp; được tính vào chi phí kinh doanh và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của doanh nghiệp.

2. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của công ty.

3. Việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Thông tư số 105/2021/TT-BTC ngày 25/11/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

Chương VI

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 20. Phân công nhiệm vụ

1. Vụ Quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và theo dõi việc thực hiện Quy chế;

- Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng phê duyệt Chương trình công tác, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên hàng năm; xử lý các công việc liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên;

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Kiểm soát viên hàng năm;

- Phối hợp, có ý kiến về thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên hàng năm;

- Phối hợp, có ý kiến đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên;

- Phối hợp tổ chức đào tạo nghiệp vụ kiểm soát để nâng cao trình độ và kỹ năng của Kiểm soát viên.

2. Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên;

- Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Kiểm soát viên hàng năm;

- Thông báo cho doanh nghiệp và các cơ quan liên quan về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên và hiệu lực thi hành;

- Chủ trì tổ chức đào tạo nghiệp vụ kiểm soát để nâng cao trình độ và kỹ năng của Kiểm soát viên;

- Chủ trì xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện hàng năm của Kiểm soát viên.

- Phối hợp Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Kiểm soát viên.

3. Văn phòng Bộ:

- Theo dõi, quản lý và tổ chức hạch toán kế toán thu, chi quỹ theo quy định hiện hành;

- Thực hiện, chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng hàng năm cho Kiểm soát viên; lập báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên

- Chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng ban hành, sửa đổi Quy chế Quản lý quỹ tiền lương cho Kiểm soát viên.

4. Các doanh nghiệp

a) Thực hiện nghiêm các quy định tại quy chế này và các quy định khác của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

b) Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực thi nhiệm vụ.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung, thực hiện Quy chế

1. Khi Nhà nước ban hành văn bản, quy định mới thì Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện theo văn bản, quy định mới của Nhà nước đồng thời có văn bản đề nghị Bộ sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Những nội dung liên quan đến hoạt động và các vấn đề khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các văn bản hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ của doanh nghiệp./.